

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Hữu Vị

2/ Ông Nguyễn Trần Mạnh Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 40/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị S, sinh ngày 02/5/1993; Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

Bị đơn: Anh Dương Đức H, sinh ngày 05/10/1992; Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị S trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Đức H vào ngày 18/3/2013. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, lừa dối kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết

hôn chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh H ngay. Quá trình vợ chồng vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn và tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có tình cảm và chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình cũng như chị và anh H không có biện pháp gì để hoà giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Bảo N, sinh ngày 01/3/2014 và Dương Gia M, sinh ngày 07/8/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với anh H. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con (nếu anh H không đồng ý thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, để anh H nuôi dưỡng cháu N và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị S làm công nhân tại Công ty TNHH H2 với mức thu nhập bình quân khoảng 17.000.000 đồng đến 18.000.000đ/tháng, chị xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Đức H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Anh xác nhận những lời trình bày của chị S về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như trên là đúng. Nay chị S đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn chị S.

Về con chung: Anh xác nhận như chị S trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm kinh doanh tự do nghề thợ cơ khí và chăn nuôi tại địa phương với mức lương thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Anh xác định có nơi cư trú và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị S được ly hôn anh H.

Về nuôi con: Đề nghị giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Bảo N; giao chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Gia M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị S, anh H không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị S phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là anh Dương Đức H hiện đang trú tại thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị S và anh H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng về làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã

sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay. Chị S và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị S đề nghị được ly hôn anh H, anh H đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị S và anh H đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị S và anh H có hai con chung là Dương Bảo N, sinh ngày 01/3/2014 và Dương Gia M, sinh ngày 07/8/2016. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với anh H. Ly hôn, chị S, anh H đều đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy, quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Hơn nữa, để đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc của các con chung chưa thành niên thì cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Gia M; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Bảo N là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị S và anh H đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị S được ly hôn anh Dương Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cháu Dương Gia M, sinh ngày 07/8/2016;

Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Bảo N, sinh ngày 01/3/2014.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị S, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001188 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Lãng Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga